TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2023/HS-ST
Ngày 29/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí;

2. Bà Đậu Thị Mỹ Long – Hiệu trưởng Trường Tiểu học A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 187/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 245/2023/QĐHPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 70/TB-TA ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 529/2023/QĐHPT-HS ngày 13 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Chí T**, sinh năm 2004 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: A/B, tổ X, khu phố L1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa : 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức M1 và bà Phan Thị Thúy H3; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số: 73/LTG-ĐTTH ngày 23/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Ngày 19/01/2023, được bảo lĩnh theo Quyết định về việc bảo lĩnh số: 3468/QĐ-VKSBH ngày 19/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. (Có mặt).

2. **Nguyễn Tuấn T1,** sinh năm 2004 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu phố LĐ, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị D; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số: 72/LTG-ĐTTH ngày 23/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. (Có mặt).

3. **Nguyễn Phan Hoàng Th,** sinh năm 2004 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu phố X1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H1 và bà Phan Ngọc Th1; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số: 74/LTG-ĐTTH ngày 23/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

4. **Nguyễn Nhật Tr**, sinh ngày 05/3/2006 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: A1, khu phố X2, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 307/LC-ĐTTH ngày 10/02/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Tr: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: A4, khu phố X4, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Tr: Ông Lê Quang V, sinh năm 1963 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

- *Bị hại:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 2004.

Địa chỉ: A2, tổ X3, khu phố BD, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2022, anh Nguyễn Văn H cho Nguyễn Chí T vay 1.000.000 đồng. Khoảng 22 giờ ngày 13/12/2022, anh H đến trước Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B tỉnh Đồng Nai gặp T để đòi lại tiền cho vay nhưng T không trả. Hai bên lời qua tiếng lại, T lấy dao Thái Lan đựng trong túi màu xanh dương mang theo hù dọa anh H nên anh H bỏ về.

Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, anh H nhắn tin hẹn T đến khu vực "Cổng đình BD" thuộc tổ X5, khu phố BD, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để nói chuyện, T đồng ý. Lúc này, T nảy sinh ý định đánh anh H nên T dùng điện thoại di động hiệu Iphone 12 của T gọi rủ Nguyễn Tuấn T1 và Nguyễn Phan Hoàng Th đi đánh anh H, Th và T1 đồng ý. Th đi lấy 02 dao cất giấu từ trước rồi đưa cho T1 01 dao tự chế (lưỡi dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ dài khoảng 29,5cm) còn Th cầm 01 dao tự chế (loại dao phóng lợn, lưỡi dao dài khoảng 30cm, cán bằng sắt dài khoảng 90cm). Lúc này, Nguyễn Nhật Tr điều khiển xe mô tô biển số 60F1- 626.16 đi ngang qua nên Th rủ Tr chở Th và T1 đi đánh nhau, Tr đồng ý. Tr điều khiển xe mô tô chở Th, T1 ngồi sau mang theo hung khí đến cửa hàng điện thoại FPT cách khu vực "Cổng đình BD" thì gặp T điều khiển xe mô tô biển số 60F3- 567.35 đi đến. Khi cả nhóm gặp nhau, T, T1, Th và Tr cùng bàn bạc thống nhất khi đến khu vực "Cổng đình BD" T sẽ vào nói chuyện với anh H, còn Th, T1 và Tr đứng phía sau mai phục. Sau khi T nói chuyện xong, T điều khiển xe mô tô bỏ đi thì Th và T1 sẽ xông đến dùng dao tự chế chém anh H gây thương tích.

Đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, T đến khu vực "Cổng đình BD" gặp anh H nói chuyện còn Th, T1 và Tr dừng xe chờ cách khoảng 15m. T đi đến nói chuyện với anh H, T nói sẽ trả nợ góp cho anh H 10.000 đồng/ngày, anh H đồng ý. Sau khi nói chuyện xong với anh H, T điều khiển xe mô tô bỏ đi được khoảng 05m thì Tr điều khiển xe mô tô chở Th, T1 ngồi sau chạy đến chặn trước đầu xe anh H.

Th cầm dao tự chế (dao phóng lợn) và T1 cầm dao tự chế mang theo xuống xe cùng xông vào chém liên tiếp nhiều nhát trúng vào khuỷu và cẳng tay trái, gối trái, vai phải, cẳng và cánh tay phải anh H gây thương tích. T vừa điều khiển xe vừa quay đầu lại nhìn thấy Th và T1 đang chém anh H thì điều khiển xe bỏ đi. Tr ngồi trên xe mô tô quan sát sự việc. Sau khi chém anh H xong, Tr điều khiển xe chở Th và T1 bỏ đi. Anh H điều khiển xe mô tô chạy về nhà và được gia đình đưa đến Bệnh viện Đại học y dược Sh - Đ cấp cứu điều trị thương tích.

Vật chứng vụ án:

- 01 con dao Thái Lan lưỡi dao dài khoảng 12cm, cán bằng gỗ và 01 túi màu xanh dương có dây đeo, kích thước khoảng 60cm Nguyễn Chí T sử dụng để hù dọa anh Nguyễn Văn H;

- 01 dao tự chế lưỡi dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ dài khoảng 29,5cm Nguyễn Tuấn T1 sử dụng gây án;

- 01 dao tự chế (dao phóng lợn) lưỡi dao dài khoảng 30cm, cán bằng sắt dài khoảng 90cm Nguyễn Phan Hoàng Th sử dụng gây án;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, số imei 355984573787583 của Nguyễn Chí T và 01 điện thoại di động hiệu Vos 4.0, số imei 355123111137155 của Nguyễn Tuấn T1 sử dụng để liên lạc rủ nhau gây án.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 1413/TgT/2022 ngày 20/12/2022 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận thương tích của anh Nguyễn Văn H như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Vết thương mặt ngoài khuỷu trái kích thước 08x0,2cm. Tỷ lệ 02%.

+ Vết thương mặt sau cẳng tay trái kích thước 10x0,2cm. Tỷ lệ 02%.

+ Vết thương mặt ngoài gối trái kích thước 03x0,2cm. Tỷ lệ 01%.

- Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn H áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là 05%.

- Vật gây thương tích: Vật sắc.

- Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra trưng cầu giám định bổ sung sau khi bệnh nhân điều trị ổn định và xuất viện để xác định đầy đủ các tổn thương, di chứng kèm theo của tổn thương và các vết xước da nông để lại nếu có.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0040/TgT/2023 ngày

17/01/2023 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận thương tích của anh Nguyễn Văn H như sau:

- Đã được Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai giám định tại Bản kết luận số: 1413/TgT/2022 ngày 20/12/2022 với tổng tỷ lệ thương tích là 05%.

- Phần giám định bổ sung:

+ Vết biến đổi sắc tố da vai phải. Tỷ lệ 0,5%.

+ Vết biến đổi sắc tố da vai phải. Tỷ lệ 0,5%.

+ Vết biến đổi sắc tố da vai phải. Tỷ lệ 0,5%.

+ Vết biến đổi sắc tố da vai phải. Tỷ lệ 0,5%.

+ Sẹo mặt ngoài cánh tay phải kích thước 16x0,2cm. Tỷ lệ 02%.

+ Sẹo mặt ngoài cánh tay phải kích thước 13x0,2cm. Tỷ lệ 02%.

+ Vết biến đổi sắc tố da cánh tay phải. Tỷ lệ 0,5%.

+ Sẹo cẳng tay phải kích thước 09x0,2cm. Tỷ lệ 02%.

+ Sẹo cẳng tay phải kích thước 06x0,2cm. Tỷ lệ 02%.

+ Vết biến đổi sắc tố da cẳng tay phải. Tỷ lệ 0,5%.

+ Vết biến đổi sắc tố da cẳng tay phải. Tỷ lệ 0,5%.

+ Không định tỷ lệ cho xây xát da cánh tay trái không để lại dấu vết, không ảnh hưởng chức năng, không để lại di chứng.

- Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung của nạn nhân Nguyễn Văn H áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là 15%.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 89.899.471 đồng.

Tại Cáo trạng số: 199/CT-VKSBH ngày 10/4/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Nguyễn Tuấn T1, Nguyễn Chí T, Nguyễn Phan Hoàng Th và Nguyễn Nhật Tr về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Tuấn T1, Nguyễn Chí T, Nguyễn Phan Hoàng Th và Nguyễn Nhật Tr về tội "Cố ý gây thương tích", đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51;

Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Phan Hoàng Th từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 10 tháng tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T1 từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 08 tháng tù.

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật Tr từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

- Các bị cáo Nguyễn Tuấn T1, Nguyễn Phan Hoàng Th, Nguyễn Nhật Tr thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, không bào chữa và tranh luận gì; không có ý kiến hay khiếu nại đối với kết luận giám định. Th và T1 đồng ý mỗi bị cáo bồi thường cho anh H số tiền 25.949.735 đồng. Tr đồng ý bồi thường cho anh H số tiền 3.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo Nguyễn Chí T khai chỉ rủ Th và T1 đi đánh anh H, không có yêu cầu hay bàn bạc chém anh H như Cáo trạng đã truy tố; không bào chữa và tranh luận gì; không có ý kiến hay khiếu nại đối với kết luận giám định. Bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh H số tiền 35.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Tr là bà Nguyễn Thị H không tranh luận gì, không có ý kiến hay khiếu nại đối với kết luận giám định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tr.

- Bị hại anh Nguyễn Văn H không tranh luận gì, không có ý kiến hay khiếu nại đối với kết luận giám định, đề nghị Hội đồng xét xử xử các bị cáo mức án nghiêm khắc vì hành vi của các bị cáo là giết người. Anh H đồng ý bị cáo Tr đã bồi thường 3.000.000 đồng và bị cáo T đã bồi thường 35.000.000 đồng (nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa); anh H yêu cầu Th và T1 mỗi bị cáo bồi thường số tiền 25.949.735 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo Tr thống nhất tội danh Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo Tr không phạm tội với tính chất côn đồ do không tham gia bàn bạc từ đầu, Tr chỉ ngồi trên xe, không chém gây thương tích cho bị hại. Mặt khác, Tr phạm tội khi mới hơn 16 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; đã bồi thường cho bị hại; có hoàn cảnh khó khăn hiện đang làm sửa xe, mẹ làm công nhân là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trong thời gian tại ngoại bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật; có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54

Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Tr mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các Tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ và hợp lệ. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tội danh và hình phạt:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tuấn T1, Nguyễn Phan Hoàng Th, Nguyễn Nhật Tr khai nhận: Vào khoảng 23 giờ 10 phút ngày 13/12/2022, Nguyễn Chí T vay tiền không chịu trả nên anh Nguyễn Văn H đòi nợ dẫn đến hai bên lời qua tiếng lại cự cãi nhau. Sau đó, T rủ Nguyễn Phan Hoàng Th, Nguyễn Tuấn T1 và Nguyễn Nhật Tr mang theo dao tự chế đến khu vực "Cổng đình BD" thuộc tổ X5, khu phố BD, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai chém anh H. Th dùng dao tự chế (dao phóng lợn), lưỡi dao dài khoảng 30cm, cán bằng sắt dài khoảng 90cm và T1 dùng dao tự chế, lưỡi dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ dài khoảng 29,5cm chém anh H nhiều nhát trúng khuỷu và cẳng tay trái, gối trái, vai phải, cẳng và cánh tay phải gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung, lời khai bị hại, kết luận giám định cùng các Tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo T khai chỉ rủ Th, T1 đánh anh H, không rủ hay bàn bạc chém bị hại. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo T trong quá trình điều tra tại biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đều thừa nhận bàn bạc thống nhất với Th, T1 và Tr chém anh H, phù hợp với lời khai của T1, Th và Tr. Do đó, đủ căn cứ xác định các bị cáo cùng bàn bạc thống nhất chém anh H gây thương tích.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm chém người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T và Tr đã bồi thường cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử cho các bị cáo T, Tr hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Th và T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, T là người khởi xướng, rủ rê T1 và Th thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu mức hình phạt cao nhất. Th và T1 là người trực tiếp chém gây thương tích cho bị hại, Th rủ Tr cùng thực hiện hành vi phạm tội nên mức hình phạt của Th phải cao hơn T1. Đối với Tr, bị cáo giúp sức tích cực khi chở Th và T1 đi gây án, tuy nhiên, khi phạm tội do chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo Tr mức hình phạt thấp nhất.

Từ những nhận định trên, căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của phát luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về dân sự:

Bị hại anh Nguyễn Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 89.899.471 đồng. Anh H đồng ý bị cáo Tr đã bồi thường 3.000.000 đồng và bị cáo T đã bồi thường 35.000.000 đồng (nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa); đối với số tiền còn lại, anh H yêu cầu Th và T1 mỗi bị cáo bồi thường số tiền 25.949.735 đồng. Th và T1 đồng ý mỗi bị cáo bồi thường cho anh H số tiền 25.949.735 đồng. Do đó, căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587 và 590 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử buộc bị cáo T bồi thường cho anh H 35.000.000 đồng, Th và T1 mỗi bị cáo bồi thường cho anh H 25.949.735 đồng, Tr bồi thường cho anh H

3.000.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền bị cáo Tr và T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa để đảm bảo thi hành án.

[4] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 60F3- 567.35, Nguyễn Chí T sử dụng làm phương tiện phạm tội là của chị Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Đức Tr1 (em trai chị N) mượn. Sau đó, anh Tr1 cho T mượn xe mô tô đi công việc. Anh Tr1 không biết việc T sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 60F3- 567.35 cho anh Tr1 theo yêu cầu của chị N là đúng quy định pháp luật.

- Đối với xe mô tô biển số 60F1- 626.16, Nguyễn Nhật Tr sử dụng làm phương tiện chở Th và T1 đi gây án là của chị Nguyễn Thị H (mẹ của Tr) cho Tr mượn đi chơi. Chị H không biết Tr sử dụng xe mô tô đi gây án nên Cơ quan điều tra không thu giữ xe mô tô biển số 60F1- 296.16 là phù hợp.

- 01 con dao Thái Lan, lưỡi dao dài khoảng 12cm, cán bằng gỗ Nguyễn Chí T sử dụng để hù dọa anh Nguyễn Văn H; 01 dao tự chế, lưỡi dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ dài khoảng 29,5cm và 01 dao tự chế (dao phóng lợn) lưỡi dao dài khoảng 30cm, cán bằng sắt dài khoảng 90cm là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, số imei 355984573787583 của Nguyễn Chí T và 01 diện thoại di động hiệu Vos 4.0, số imei 355123111137155 của Nguyễn Tuấn T1 sử dụng liên lạc rủ nhau thực hiện tội phạm nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Trả lại 01 túi màu xanh dương có dây đeo, kích thước khoảng 60cm cho Nguyễn Chí T do không liên quan đến vụ án.

[5] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Chí T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Phan Hoàng Th và Nguyễn Tuấn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.297.486 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Nhật Tr phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Người bào chữa đề nghị cho bị cáo Tr được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp, tuy nhiên, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của người bào chữa.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Tuấn T1, Nguyễn Phan Hoàng Th, Nguyễn Nhật Tr phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T **03 (ba) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2022 đến ngày 19/01/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phan Hoàng Th **02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T1 **02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2022.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật Tr **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 586, 587, 590, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Chí T bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 35.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Phan Hoàng Th bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 25.949.735 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn T1 bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 25.949.735 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Nhật Tr bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 3.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng Nguyễn Nhật Tr đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0002572 ngày 05/5/2023 và số tiền 35.000.000 đồng Nguyễn Chí T đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0002571 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Văn H cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao Thái Lan lưỡi dao dài khoảng 12cm, cán bằng gỗ; 01 dao tự chế lưỡi dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ dài khoảng 29,5cm và 01 dao tự chế (dao phóng lợn) lưỡi dao dài khoảng 30cm, cán bằng sắt dài khoảng 90cm.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, số imei 355984573787583 và 01 diện thoại di động hiệu Vos 4.0, số imei 355123111137155.

Trả cho Nguyễn Chí T 01 túi màu xanh dương có dây đeo, kích thước khoảng 60cm.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng, T1 sản ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Chí T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Phan Hoàng Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.297.486 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Tuấn T1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.297.486 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Nhật Tr phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Phòng HSNV - Công an Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Hoàng Long